| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ PHÚ MỸ**<br>**TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 05/2020/QĐST-HNGĐ | *Phú Mỹ, ngày 02 tháng 01 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 479/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Danh Toàn Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ M, Khu phố N, phường H, thị xã V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Hoàng Thị Kiều T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ M, Khu phố N, phường H, thị xã V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Danh Toàn Đ và bà Hoàng Thị Kiều T là vợ chồng, có tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang vào năm 2010, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 12 năm 2019, ông Đ và bà T xác nhận: Mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình thì việc ông Đ và bà T thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về con chung:

Quá trình chung sống ông Danh Toàn Đ và bà Hoàng Thị Kiều T có 02 con chung là Danh Hoàng Mỹ K, sinh ngày 20/6/2012 và cháu Danh Hoàng Minh L, sinh ngày 13/4/2014. Khi ly hôn vợ chồng ông bà thỏa thuận, giao cho ông Đ trực tiếp nuôi hai con chung đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí việc hôn nhân: Ông Danh Toàn Đ và bà Hoàng Thị Kiều T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Danh Toàn Đ và bà Hoàng Thị Kiều T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*2.1. Về hôn nhân*: Ông Danh Toàn Đ và bà Hoàng Thị Kiều T thuận tình ly hôn;

*2.2. Về con chung*: Quá trình sống chung giữa ông Danh Toàn Đ và bà Hoàng Thị Kiều T có 02 con chung là Danh Hoàng Mỹ K, sinh ngày 20/6/2012 và cháu Danh Hoàng Minh L, sinh ngày 13/4/2014. Khi ly hôn vợ chồng ông bà thỏa thuận, giao cho ông Đ trực tiếp nuôi hai con chung đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Bà T được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở bà thực hiện quyền này.

*2.3. Về cấp dưỡng nuôi con*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

*2.4. Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Đ và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông Danh Toàn Đ và bà Hoàng Thị Kiều T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0002523 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nên ông Đ và bà T đã nộp xong.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- THADS thị xã Phú Mỹ;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hồng Thái**